

**SUMMARY OF AUTHORS OF THE  
QING DYNASTY WHO COMPOSED  
POETRY ABOUT VIETNAM**

Pang Minjia  
*Department of Vietnamese, Nanning Normal  
University, China*  
*Postgraduate K41, Faculty of Philology,  
Hanoi University of Education, Hanoi city,  
Vietnam*  
Corresponding author: Pang Minjia,  
e-mail: 33071845@qq.com

Received February 21, 2025.  
Revised April 22, 2025.  
Accepted April 29, 2025.

**Abstract.** This article provides an overview of Qing dynasty Chinese authors who composed poetry about Vietnam, and classifies and analyzes them according to criteria such as social status, context of composition, and perspectives on Vietnam. Based on statistical data encompassing more than 200 authors and 513 poems, the study reveals that Vietnamese-themed poetry was not limited to emperors and officials, but was also prevalent among folk literati, independent scholars, Buddhist monks, and commoners. Each social group engaged with and reflected on the topic of Vietnam in its own way - ranging from political and ritualistic frameworks to scholarly and cultural approaches. In doing so, the article highlights the multi-layered and multi-subjective nature of Sino-Vietnamese interactions during the Qing dynasty, while also shedding light on the historical, cultural, and intellectual significance of this body of poetry.

**Keywords:** authors, poetry, cultural exchange, Qing Dynasty, Vietnam - China.

**KHÁI LƯỢC CÁC TÁC GIẢ THỜI  
NHÀ THANH SÁNG TÁC  
THƠ CA VỀ VIỆT NAM**

Bàng Mẫn Gia  
*Khoa Tiếng Việt, Trường Đại học Sư phạm  
Nam Ninh, Trung Quốc*  
*NCS K41, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học  
Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt  
Nam*  
Tác giả liên hệ: Bàng Mẫn Gia,  
e-mail: 33071845@qq.com

Ngày nhận bài: 21/2/2025.  
Ngày sửa bài: 22/4/2025.  
Ngày nhận đăng: 29/4/2025.

**Tóm tắt.** Bài viết khái quát các tác giả Trung Quốc thời nhà Thanh đã sáng tác thơ ca về Việt Nam, từ đó phân loại và phân tích họ theo các tiêu chí như địa vị xã hội, hoàn cảnh sáng tác và góc nhìn đối với Việt Nam. Dựa trên tư liệu thống kê với hơn 200 tác giả và 513 tác phẩm, bài viết cho thấy thơ ca về Việt Nam không chỉ xuất hiện ở giới hoàng đế và quan lại, mà còn phổ biến trong giới văn nhân dân gian, học giả độc lập, tu sĩ và thường dân. Mỗi nhóm xã hội tiếp cận và phản ánh vấn đề Việt Nam theo cách riêng, từ chính trị - lễ nghi đến học thuật - văn hóa. Qua đó, bài viết làm nổi bật tính chất đa tầng lớp và đa chủ thể trong tiến trình giao lưu Trung - Việt dưới triều Thanh, đồng thời góp phần soi sáng giá trị lịch sử, văn hóa và tư tưởng của kho tàng thơ ca này.

**Từ khóa:** tác giả, thơ ca, giao lưu văn hóa, nhà Thanh, Trung - Việt.

## 1. Mở đầu

Việt Nam, với vị trí địa lý cận kề Trung Quốc và mối quan hệ lịch sử lâu đời, đã trở thành một đề tài quen thuộc trong sáng tác thơ ca của các văn nhân Trung Quốc, đặc biệt dưới triều đại nhà Thanh (1644-1912). Trong tiến trình nghiên cứu học thuật, đề tài thơ ca Trung Quốc viết về

Việt Nam đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong và ngoài nước. Một số công trình tiêu biểu đã đề cập đến nội dung này trong phạm vi nghiên cứu rộng hơn. Chẳng hạn, Lí Na (李娜, 2014) trong bài viết 《10 - 18 世紀中國使安南使臣出使詩歌綜述》 (*Tổng thuật thơ ca của các sứ thần Trung Quốc đi sứ An Nam từ thế kỉ X đến XVIII*) [1] đã hệ thống hóa tình hình bảo tồn các bài thơ của sứ thần Trung Quốc, đồng thời đề xuất phân loại các bài thơ đi sứ thành năm nhóm nhằm khái quát đặc điểm và nội dung của từng nhóm tác phẩm. Ngoài ra, công trình của Lưu Ngọc Quân (劉玉珺, 2017) với nhan đề 《中國使節文集考述 - 越南篇》 (*Khảo luận về tập văn của các sứ thần Trung Quốc – Phần Việt Nam*) [2] đã khảo cứu bối cảnh hình thành, nội dung và tình trạng lưu giữ các tập văn của sứ thần Trung Quốc từ thời Nguyên đến cận đại, đặc biệt nhấn mạnh vào các tập tác phẩm thuộc triều Minh và triều Thanh. Tác giả cho rằng những tập văn này không chỉ là ghi chép về sứ trình, mà còn là tư liệu văn học có giá trị, phản ánh tâm tư, cảm xúc và quan điểm của các sứ thần thông qua hình thức thơ ca. Bên cạnh đó, còn có những nghiên cứu khác tập trung vào nội dung tác phẩm, lí thuyết thi ca, cũng như các bình luận học thuật mang tính cá biệt.

Tuy vậy, các nghiên cứu có tính hệ thống về đội ngũ tác giả thời Thanh đã sáng tác thơ ca liên quan đến Việt Nam hiện vẫn còn khá hạn chế. Nghiên cứu này hướng đến việc hệ thống hóa các tác giả nhà Thanh từng có sáng tác thơ ca viết về Việt Nam, đồng thời tiến hành phân loại theo niên đại và địa vị xã hội, qua đó làm rõ quá trình phát triển cũng như đặc điểm nổi bật trong sáng tác của từng giai đoạn. Hơn thế, nghiên cứu còn mở rộng hướng tiếp cận thông qua lăng kính thơ ca và văn bản học, đặt nền tảng cho việc khảo sát sâu hơn về quá trình lưu truyền, tiếp biến và giá trị văn hóa – lịch sử của mảng thơ ca về Việt Nam trong văn học Trung Quốc thời Thanh, từ đó góp phần vào nghiên cứu lịch sử giao lưu văn hóa khu vực Đông Á.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Xác định các tác giả thời nhà Thanh sáng tác thơ ca về Việt Nam

Việc xác định các tác giả thời nhà Thanh sáng tác thơ ca liên quan đến Việt Nam được thực hiện dựa trên việc khảo cứu và tổng hợp từ nhiều hệ thống tư liệu khác nhau. Trước hết là các văn bản mang tính chất văn học, nơi lưu giữ trực tiếp các tác phẩm thơ ca do các văn nhân thời Thanh sáng tác. Các bộ sách như *Thanh đại thi văn tập hồi biên* 《清代詩文集彙編》, *Tứ khố toàn thư* 《四庫全書》, *Tục tu Tứ khố toàn thư* 《續修四庫全書》, *Tứ khố vị thu thư tập san* 《四庫未收書輯刊》, *Tứ khố cấm hủy thư tùng san* 《四庫禁毀書叢刊》, *Tứ khố toàn thư tồn mục tùng thư* 《四庫全書存目叢書》 đều là những nguồn tư liệu quan trọng, không chỉ giúp bảo tồn nhiều thi tập và trước tác có liên quan đến Việt Nam, mà còn cung cấp thông tin phong phú nhằm xác định danh tính, thời điểm và hoàn cảnh sáng tác của các tác giả.

Bên cạnh đó, hệ thống sử liệu chính thức của Trung Quốc và Việt Nam cũng góp phần làm rõ diện mạo và bối cảnh của các sáng tác thơ ca về Việt Nam trong gian đoạn này. Các văn bản như *Thanh thực lục* 《清實錄》, *Thanh sử cảo* 《清史稿》, *Thanh hội điển* 《清會典》, *Đại Việt sử ký toàn thư* 《大越史記全書》, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 《欽定越史通鑑綱目》, *Đại Nam thực lục* 《大南實錄》 và *Lịch triều hiến chương loại chí* 《歷朝憲章類志》 không chỉ ghi chép các sự kiện lịch sử liên quan đến quan hệ Trung-Việt, mà còn cho thấy sự hiện diện và hoạt động văn hóa của các sứ thần, quan lại và văn nhân Trung Quốc tại Việt Nam. Đặc biệt, các tập ký và sưu tập cá nhân của các quan viên nhà Thanh có liên quan đến các chuyến công vụ tại An Nam như *An Nam sử sự kỷ yếu* 《安南使事紀要》 của Lí Tiên Căn (李仙根), *An Nam kỷ lược* 《安南紀略》 của Bảo Thanh (寶清), v.v... cũng là những nguồn tư liệu quý giá phục vụ cho việc truy nguyên văn bản và xác định tác giả.

Kết quả từ việc khảo sát và tổng hợp các nguồn văn bản nói trên cho thấy: có tổng cộng 200 tác giả thời nhà Thanh đã sáng tác 513 bài thơ có nội dung liên quan đến Việt Nam. Đội ngũ tác

giả này bao gồm nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội đương thời, từ các quân vương và đại thần trong triều đình, các sứ thần và quan viên đi sứ, các quan trấn thủ, bồi đồng tại khu vực biên giới, cho đến những văn nhân mặc khách không giữ chức quan chính thức. Điều này phản ánh sự đa dạng trong thân phận xã hội cũng như tính chất phong phú trong cảm hứng và nội dung của thơ ca về Việt Nam dưới triều đại nhà Thanh.

## 2.2. Phân loại các tác giả thời nhà Thanh sáng tác thơ ca về Việt Nam theo thời gian

Nhà Thanh (1644-1912) là một triều đại phong kiến có vai trò quan trọng trong lịch sử Trung Quốc, trải qua gần ba thế kỉ với những giai đoạn phát triển mang tính liên tục và biến đổi trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự cũng như ngoại giao. Những biến chuyển này không chỉ ảnh hưởng đến diện mạo quốc gia mà còn tác động sâu sắc đến môi trường sáng tác văn học, bao gồm cả thơ ca miêu tả và suy tưởng về các quốc gia lân cận, trong đó có Việt Nam. Trong nghiên cứu văn học sử Trung Quốc, niên hiệu và thời gian trị vì của các hoàng đế thường được sử dụng như những mốc thời gian quan trọng để phân kì lịch sử. Các tác phẩm văn học sáng tác trong những giai đoạn khác nhau thường mang đậm dấu ấn của hoàn cảnh lịch sử, tư tưởng chính trị và khí quyển văn hóa đương thời. Điều này cũng đúng đối với thơ ca đời Thanh viết về Việt Nam - một thể loại phản ánh trực tiếp nhận thức, cảm quan, cũng như thái độ của các văn nhân trước hoàn cảnh lịch sử và quan hệ đối ngoại cụ thể. Việc xác định và phân loại các tác giả thơ ca thời Thanh viết về Việt Nam theo từng giai đoạn lịch sử không chỉ giúp làm sáng rõ bối cảnh chính trị - xã hội chi phối hoạt động sáng tác, mà còn góp phần nhận diện các đặc điểm thi pháp, chủ đề và tư tưởng văn học đặc trưng của từng thời kì. Qua đó, người nghiên cứu có thể hệ thống hóa tiến trình phát triển của thể loại này một cách toàn diện và khoa học hơn, đồng thời khẳng định giá trị lịch sử - văn hóa ẩn chứa trong các sáng tác thơ ca về Việt Nam. Dựa vào các biến chuyển lịch sử quan trọng cũng như đặc điểm trị vì của từng hoàng đế, luận án này chia triều đại nhà Thanh thành ba giai đoạn lớn nhằm phục vụ cho việc phân tích và đối chiếu:

**Bảng phân chia các giai đoạn lịch sử của nhà Thanh [3]**

| Gian đoạn          | Khoảng thời gian | Các niên hiệu                              | Đặc điểm lịch sử và xã hội nổi bật                                                                                                                                                              |
|--------------------|------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Sơ kì nhà Thanh    | 1644 - 1735      | Thuận Trị, Khang Hy, Ung Chính             | Giai đoạn thiết lập chính quyền, củng cố biên cương, mở rộng bang giao. Thơ ca thời kì này phản ánh tinh thần chính trị mạnh mẽ và hoạt động sứ thần.                                           |
| Trung kì nhà Thanh | 1736 - 1850      | Càn Long, Gia Khánh, Đạo Quang             | Giai đoạn cực thịnh về kinh tế, văn hóa; tăng cường quan hệ với các nước phương Nam. Thơ ca phản ánh sự phát triển nhận thức về vùng biên và Việt Nam qua các chuyến đi sứ, giao lưu học thuật. |
| Hậu kì nhà Thanh   | 1851 - 1912      | Hàm Phong, Đồng Trị, Quang Tự, Tuyên Thống | Giai đoạn suy yếu, đối mặt với khủng hoảng nội ngoại; thơ ca về Việt Nam mang tính hoài niệm, phản tư và phản ánh thời thế.                                                                     |

Việc phân kì triều đại nhà Thanh thành ba giai đoạn sơ kì, trung kì và hậu kì giúp làm rõ đặc điểm lịch sử và xã hội đặc thù của từng thời kì: từ giai đoạn kiến lập và cường thịnh, qua thời kì chuyển biến suy thoái, đến giai đoạn khủng hoảng và sụp đổ. Cách phân chia này, tuy dựa trên quan điểm phổ biến của giới học thuật, vẫn phản ánh rõ sự biến động của bối cảnh chính trị - văn hóa, từ đó tác động đến hoạt động sáng tác thơ ca của văn nhân đương thời. Áp dụng phương pháp phân kì vào việc khảo sát các tác giả nhà Thanh sáng tác thơ ca về Việt Nam cho phép nhận diện rõ tính liên tục và biến đổi trong nội dung, tư tưởng và hình thức thể hiện. Đồng thời, cách tiếp cận này góp phần xác lập vị trí của dòng thơ viết về Việt Nam trong văn học Trung Quốc cận đại, mở rộng hướng nghiên cứu liên văn hóa và lịch sử tư tưởng khu vực Đông Á.

### 2.2.1. Sơ kì nhà Thanh

Trong giai đoạn sơ kì nhà Thanh (1644–1735), thơ ca về Việt Nam bắt đầu xuất hiện với một số lượng đáng kể, chủ yếu gắn liền với các hoạt động ngoại giao, đi sứ và giao lưu văn hóa giữa hai quốc gia. Thống kê cho thấy có tổng cộng 73 tác giả Trung Hoa đã sáng tác 192 bài thơ liên quan đến Việt Nam trong thời kì này. Phần lớn các tác phẩm thuộc thể loại thơ tống biệt, được viết để tiễn đưa và khích lệ bạn bè, đồng僚 trước khi lên đường sang An Nam thi hành công vụ. Những bài thơ này thường phản ánh tâm trạng lưỡng lự giữa lo âu và tự hào: lo âu vì hành trình xa xôi, hiểm trở; tự hào vì mang trọng trách ngoại giao thay mặt triều đình. Dưới bút pháp của các thi nhân nhà Thanh, hình ảnh Việt Nam hiện lên như một vùng đất xa xôi, khó tiếp cận, mang tính chất “man hoang chi địa” (蠻荒之地), với cảnh trí rừng núi hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, được miêu tả như “yên chướng chi địa” (煙瘴之地). Những mô tả này phần nhiều xuất phát từ tri thức gián tiếp qua sách vở hoặc lời truyền miệng, dần dần hình thành nên một biểu tượng không gian mang tính định kiến, có ảnh hưởng lâu dài đến tưởng tượng văn học về Việt Nam trong văn học Trung Quốc.

Đáng chú ý, một số văn nhân thời kì này từng trực tiếp tham gia vào các phái bộ ngoại giao đến An Nam, đã để lại số lượng lớn thơ ca với nội dung phong phú. Tiêu biểu như Ngô Quang (吳光), Chu Xán (周燦), Lí Tiên Căn (李仙根), Ô Hắc (烏赫), Đức Bảo (德保)... Trong đó, “*Sứ Giao tập*” (《使交集》) của Ngô Quang [4] và “*Sứ Giao ngâm*” (《使交吟》) của Chu Xán [5] là hai tập thơ điển hình. Tác phẩm của Ngô Quang thiên về miêu tả phong cảnh và biểu hiện tình cảm nhân văn, còn Chu Xán, với 48 bài thơ thất ngôn, phản ánh đa dạng khía cạnh: từ nghi lễ tế tự đến sinh hoạt giao lưu văn hóa giữa hai bên, như uống rượu, ca hát cùng quan lại An Nam. Mặc dù là sứ giả, các tác phẩm của họ chủ yếu tập trung vào trải nghiệm cá nhân và cảm xúc nghệ thuật, trong khi thông tin cụ thể về tình hình nội bộ của Việt Nam chỉ được đề cập một cách gián tiếp hoặc rất hạn chế.

Trái lại, những người Trung Quốc đến Việt Nam với tư cách khác như nhà sư, thương nhân hay quan lại vùng biên giới thường để lại ghi chép chi tiết hơn. Thích Đại Sán (釋大汕, 1636–1705) là một trường hợp tiêu biểu. Ông từng lưu trú hơn một năm tại Quảng Nam theo lời mời của chính quyền địa phương để truyền bá Phật pháp. Trong tác phẩm “*Hải ngoại ký sự*” (《海外紀事》) [6] và tuyển tập “*Ly Lục Đường tập*” (《離六堂集》), Thích Đại Sán ghi lại tường tận các cuộc tiếp xúc của mình với các quan lại và công chúa triều Nguyễn. Những ghi chép này không chỉ có giá trị về mặt văn học và văn hóa mà còn mang tính sử liệu, thể hiện chân thực mối giao hảo và tương tác giữa hai dân tộc trong bối cảnh khu vực đầu thời Thanh.

### 2.2.2. Trung kì nhà Thanh

Trong giai đoạn trung kì nhà Thanh (1736 - 1850), mối quan hệ bang giao giữa Trung Quốc và Việt Nam được chính thức củng cố và duy trì ổn định.[7] Để bảo đảm tính liên tục và trật tự của quan hệ triều cống này, triều đình nhà Thanh thường xuyên phái sứ thần sang An Nam với các sứ mệnh như tế lễ, phong chức, tuyên chỉ và giao hảo. Ngược lại, Việt Nam cũng cử sứ giả đến Trung Quốc vào các dịp quan trọng như thỉnh sắc phong, phúng viếng quốc tang hoặc tấu trình sự vụ. Việc trao đổi sứ thần hai chiều trở thành một cơ chế ngoại giao thường xuyên và chính thức giữa hai triều đại. Việt Nam đặc biệt coi trọng các chuyến đi sứ sang Trung Hoa, luôn cử những viên quan học rộng, tài cao, và được tuyển chọn kĩ lưỡng. Trong bối cảnh giao lưu hữu nghị, các sứ thần Trung–Việt thường tổ chức yến tiệc, thù tạc, làm thơ xướng họa hoặc đề tựa cho tác phẩm của nhau. Mặc dù đôi bên có thể gặp trở ngại về ngôn ngữ nói, nhưng nhờ vào chữ Hán và hình thức “bút đàm” (筆談), họ vẫn có thể trao đổi một cách sâu sắc về tư tưởng, học vấn và văn chương. Những hoạt động này không chỉ khẳng định phẩm cách triều đình mỗi bên mà còn góp phần tăng cường tình cảm hữu nghị giữa hai quốc gia.

Trong thời kì này, thống kê cho thấy có 64 nhà thơ Trung Hoa đã sáng tác 138 bài thơ liên quan đến Việt Nam. Nội dung các tác phẩm phản ánh sự mở rộng giao lưu không chỉ trong lĩnh

vực ngoại giao mà còn trên phương diện văn hóa, thương mại và cá nhân. Nhiều quan chức, thương nhân và học giả Trung Quốc đã đến Việt Nam làm việc, nghiên cứu hoặc du ngoạn; họ thường viết thơ để thể hiện nỗi nhớ nhà và gắn bó tình cảm với quê hương. Đồng thời, trong quá trình tiếp xúc, họ cũng kết bạn với các văn nhân và quan lại người Việt, và chính tình bạn xuyên quốc gia này đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tác, với các bài thơ tỏ lòng ngưỡng mộ, tưởng nhớ hoặc kì vọng về một mối quan hệ hòa hiếu bền lâu giữa hai dân tộc. Về mặt mỹ học, các thi nhân nhà Thanh trong giai đoạn này đã sử dụng ngôn từ tinh tế để tái hiện hình ảnh thiên nhiên và văn hóa Việt Nam. Những mô tả về non cao nước xiết, rừng rậm, núi sông kì vĩ thể hiện sự hấp dẫn của cảnh quan phương Nam. Đồng thời, các yếu tố văn hóa như di tích lịch sử, kiến trúc truyền thống, phong tục tập quán cũng được phản ánh, góp phần phác họa một bức tranh sinh động và sâu sắc về đời sống tinh thần và xã hội Việt Nam đương thời.

Trong số các tác phẩm đáng chú ý, có thể kể đến tập thơ xướng họa giữa các quan An Nam và sứ thần nhà Thanh như Đức Bảo (德保) và Cố Nhĩ Tu (顧汝修), những bài thơ này được chép lại trong các sách cổ của Việt Nam như 《見聞小錄》 (*Kiến văn tiểu lục*) và 《北使通錄》 (*Bắc sứ thông lục*). Ngoài ra, một số tác giả khác như Nghiêm Toại Thành (嚴遂成), Diêu Nãi (姚鼐), Bành Nguyên Thụy (彭元瑞), Ngô Tích Kì (吳錫麒)... cũng có những sáng tác giàu nội dung, hàm súc nghệ thuật và giá trị tư liệu đáng kể, phản ánh chiều sâu của sự giao lưu Trung-Việt trong giai đoạn trung kì nhà Thanh.

### **2.2.3. Hậu kì nhà Thanh**

Giai đoạn hậu kì nhà Thanh (1851-1912) là thời điểm chứng kiến những biến động lớn trong cục diện chính trị khu vực Đông Á, đặc biệt là trong quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam. Trước sự xâm lược và bành trướng ngày càng quyết liệt của các cường quốc phương Tây, đặc biệt là thực dân Pháp, mối quan hệ triều cống truyền thống giữa hai nước bị đặt vào tình thế khủng hoảng. Pháp, với tham vọng thiết lập quyền kiểm soát toàn diện đối với Việt Nam, đã tích cực can thiệp vào chính sách đối ngoại của triều Nguyễn, trong đó có nỗ lực chấm dứt quan hệ lệ thuộc hình thức giữa Việt Nam và nhà Thanh [8]. Đây là một bước đi chiến lược nhằm làm suy yếu ảnh hưởng văn hóa - chính trị của Trung Hoa tại khu vực, từ đó mở rộng con đường thực dân hóa. Trong hoàn cảnh đó, triều đình nhà Thanh lâm vào thế lưỡng nan. Một mặt, họ muốn duy trì vai trò “thiên triều”, thể hiện tính chính thống và vị thế trung tâm văn hóa của Trung Hoa; mặt khác, chính quyền lại phải đối diện với những khủng hoảng trong và ngoài nước, như chiến tranh nha phiến, nổi dậy nông dân, và áp lực từ các điều ước bất bình đẳng. Mặc dù thương mại và giao lưu biên giới giữa Trung Quốc và Việt Nam vẫn tiếp tục diễn ra trong một số khu vực như Quảng Tây, Vân Nam, nhưng mối quan hệ chính trị - văn hóa giữa hai nước đã bị suy giảm rõ rệt, không còn giữ được tính chất ổn định và nghi lễ như trước.

Tình hình biến động của thời đại đã để lại dấu ấn sâu sắc trong đời sống văn học, đặc biệt là ở thể loại thơ ca. Chủ đề Việt Nam trong các tác phẩm của văn nhân nhà Thanh cũng theo đó mà thay đổi: từ chỗ ca ngợi phong tục, cảnh quan, tình hữu nghị giữa hai nước, nay chuyển sang phản ánh những vấn đề chính trị, quân sự và số phận dân tộc. Nhiều tác giả thể hiện nỗi cảm thông sâu sắc trước hoàn cảnh bị xâm lược của Việt Nam, đồng thời bày tỏ thái độ phản nộ trước hành động bá quyền của Pháp. Thơ ca trở thành phương tiện để giới trí thức Trung Hoa bộc lộ tình cảm dân tộc, tinh thần phản kháng văn hóa và quan điểm chính trị cá nhân trong thời kì biến động. Theo thống kê, có tổng cộng 63 nhà thơ đã sáng tác 183 bài thơ về Việt Nam vào giai đoạn cuối triều Thanh. Đáng chú ý, nhiều tác giả trong số đó từng giữ vai trò sứ thần, quan lại biên cương hoặc từng có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với văn hóa và con người Việt Nam. Những trải nghiệm thực tế này không chỉ làm phong phú thêm nội dung sáng tác mà còn khiến cho các tác phẩm trở nên chân thực, sinh động và mang tính thời sự cao. Các nhà thơ ngày càng chú trọng hơn đến việc biểu đạt cảm xúc cá nhân, suy tư về thời cuộc và bày tỏ quan điểm xã hội, cho thấy sự phát triển về chiều sâu tư tưởng cũng như tính nghệ thuật trong thơ ca thời kì này.

Cho đến những năm 1821 và 1842, các hoạt động ngoại giao giữa hai nước vẫn giữ được nét trang trọng, thể hiện qua các nghi lễ đón tiếp sứ thần và các hình thức giao lưu văn hóa như dâng tặng sách, cùng nhau xướng họa, tổ chức yến tiệc, du ngoạn thắng cảnh. Các sứ đoàn Việt Nam khi sang Bắc Kinh cũng được quan lại địa phương tiếp đãi, hộ tống chu đáo. Tuy nhiên, sau các cuộc chiến tranh nha phiến và sự kiện thực dân Pháp xâm lược Bắc Kỳ, mối quan hệ này dần suy yếu. Sự vắng bóng của các tác phẩm thơ xướng họa giữa hai bên từ nửa sau thế kỉ XIX là một dấu hiệu rõ rệt cho thấy sự tan rã của trật tự lễ triều Đông Á truyền thống. Đặc biệt, các tác phẩm thơ của giới quan lại và văn nhân biên giới giai đoạn này còn đóng vai trò như những tài liệu ghi chép chiến sự. Nội dung thơ thường đề cập đến các hoạt động viện trợ cho triều Nguyễn, diễn biến chiến sự giữa Pháp và Việt Nam, phản ứng của chính quyền nhà Thanh trước các trận đánh lớn, cũng như thái độ của các quan lại sau chiến tranh. Những ghi chép này không chỉ phản ánh hiện thực chính trị - quân sự, mà còn cho thấy nỗ lực của giới trí thức trong việc lưu giữ lịch sử bằng văn tự thi ca.

Nói chung, thơ ca viết về Việt Nam vào cuối thời nhà Thanh phản ánh một giai đoạn lịch sử đầy biến động trong quan hệ Việt – Trung. Những tác phẩm này không chỉ có giá trị văn học với cấu trúc ngôn ngữ phong phú, cảm xúc sâu lắng mà còn là nguồn sử liệu quan trọng giúp ta hiểu được tâm lí xã hội, tư tưởng thời đại, cũng như những chuyển biến trong quan hệ quốc tế khu vực. Việc khảo sát và phân tích các bài thơ này sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm nhiều khía cạnh trong lịch sử giao lưu văn hóa Trung – Việt, đặc biệt trong thời kì khủng hoảng cuối thế kỉ XIX.

### **2.3. Phân loại các tác giả thời nhà Thanh sáng tác thơ ca về Việt Nam theo địa vị xã hội**

Tùy thuộc vào địa vị và vai trò xã hội khác nhau, mỗi tác giả thời Thanh có cách tiếp cận thông tin liên quan đến Việt Nam theo những hướng riêng biệt, từ đó hình thành nên lập trường và quan điểm không đồng nhất về quốc gia láng giềng này. Căn cứ vào chức năng xã hội và nguồn gốc xuất thân, có thể phân loại khoảng 200 tác giả đã sáng tác thơ ca về Việt Nam thành năm nhóm chính: các vị hoàng đế nhà Thanh, quan lại trung ương, quan lại địa phương, Sứ giả và quan bồi đồng, các nhân vật thuộc các tầng lớp xã hội khác ngoài hệ thống quan lại.

#### **2.3.1. Các Hoàng đế nhà Thanh**

Trong hệ thống văn học cung đình nhà Thanh, các hoàng đế không chỉ là người nắm quyền lực chính trị tối cao mà còn là những chủ thể sáng tác quan trọng trong đời sống văn hóa đương thời. Các hoàng đế nhà Thanh – với tư cách là những người đứng đầu quốc gia – có điều kiện tiếp cận sớm và đầy đủ thông tin liên quan đến Việt Nam thông qua hệ thống sứ bộ, giao thiệp chính trị và các báo cáo từ các cấp quan lại. Từ đó, họ thể hiện lập trường, thái độ và quan điểm của mình đối với Việt Nam qua các tác phẩm thơ ca mang tính chính trị và biểu tượng cao. Trong suốt thời kì nhà Thanh, quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam phần lớn vẫn duy trì hình thức bang giao truyền thống dựa trên cơ chế triều cống và sự công nhận lẫn nhau về mặt nghi lễ. Trong bối cảnh đó, các hoàng đế nhà Thanh thường bày tỏ mối quan tâm đặc biệt đến tình hình Việt Nam, nhất là khi quốc gia này đóng vai trò như một khu vực đệm chiến lược ở phía nam Trung Quốc. Các hoạt động ngoại giao, chẳng hạn như việc tiếp sứ bộ Đại Việt hay cử sứ giả nhà Thanh sang Giao Chỉ, không chỉ mang ý nghĩa nghi lễ mà còn là cơ hội để hoàng đế quan sát, đánh giá và thể hiện quan điểm về quốc gia láng giềng.

Thơ ca của các hoàng đế về Việt Nam phản ánh những khía cạnh đa dạng trong mối quan hệ song phương này: từ mô tả cảnh quan, văn hóa Việt Nam đến ghi chép lại các sự kiện ngoại giao và biểu lộ những quan tâm về chiến lược quốc phòng. Những tác phẩm này thể hiện sự hòa quyện giữa yếu tố chính trị và thẩm mỹ, giữa biểu tượng văn hóa Trung Hoa và sự tiếp nhận đối với văn hóa Việt Nam. Từ đó, hình thành nên một loại hình thơ ca cung đình đặc sắc mang tính chất biểu trưng quyền lực để chế đồng thời gợi mở sự tôn trọng đối với không gian văn hóa lân cận. Về mặt hình thức nghệ thuật, thơ ngự chế của các hoàng đế nhà Thanh thường được biên tập và tuyển chọn kĩ lưỡng, thể hiện sự chuẩn mực trong ngôn từ, kết cấu và vận luật. Chịu ảnh hưởng của

truyền thống văn học cung đình và quy phạm nghi lễ, các tác phẩm này tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc thể thơ Đường luật, với ngôn ngữ trang nhã, cấu trúc cân đối, góp phần tôn vinh sự uy nghiêm của hoàng quyền và khí chất bậc đế vương.

Theo thống kê hiện có, ba vị hoàng đế nhà Thanh có thơ ca viết về Việt Nam được ghi chép và bảo tồn gồm: Hoàng đế Càn Long (乾隆), Hoàng đế Gia Khánh (嘉庆) và Hoàng đế Đạo Quang (道光). Trong số đó, Hoàng đế Càn Long là người để lại số lượng tác phẩm phong phú nhất, với tổng cộng 12 bài thơ liên quan đến Việt Nam, được phân bố trong các quyển 42, 43, 44, 48, 50, 59, 78 và 81 của bộ *Ngự chế thi tập* (《御製詩五集》). Những sáng tác này không chỉ thể hiện mối quan tâm đặc biệt của ông đối với tình hình khu vực biên giới phía Nam mà còn phản ánh chiến lược ngoại giao rộng mở và tầm nhìn chính trị xuyên suốt của triều đình nhà Thanh trong giai đoạn cực thịnh. Trong khi đó, Hoàng đế Gia Khánh sáng tác hai bài thơ viết về Việt Nam, được ghi lại trong *Ngự chế thi sơ tập* (《御製詩初集》, quyển 47) và *Ngự chế thi nhị tập* (《御製詩二集》, quyển 34). Hoàng đế Đạo Quang cũng để lại hai bài thơ liên quan đến Việt Nam, hiện được lưu giữ trong *Dưỡng Chính Thư Ốc toàn tập định bản* (《養正書屋全集定本》, quyển 4). Tuy số lượng sáng tác ít hơn đáng kể so với Càn Long, các tác phẩm này vẫn có giá trị phản ánh phần nào mối quan hệ bang giao giữa hai nước trong bối cảnh chuyển biến chính trị và xã hội thời kì đầu thế kỉ XIX.

Sự khác biệt về số lượng và nội dung thơ ca giữa ba vị hoàng đế phản ánh sự biến đổi trong môi trường chính trị – ngoại giao của triều đại nhà Thanh. Thời kì Càn Long được xem là giai đoạn hoàng kim, với quan hệ Trung – Việt phát triển sâu rộng, các sứ trình qua lại diễn ra thường xuyên, thương mại biên giới thịnh vượng và các hoạt động giao lưu văn hóa được thúc đẩy mạnh mẽ. Ngược lại, giai đoạn Gia Khánh và Đạo Quang chứng kiến sự suy giảm đáng kể trong hoạt động văn hóa – ngoại giao do triều đình phải đối mặt với những biến động nội bộ và áp lực ngày càng gia tăng từ các cường quốc phương Tây. Trong bối cảnh đó, thơ ca viết về Việt Nam của hai vị hoàng đế sau tuy số lượng không nhiều, nhưng vẫn góp phần cung cấp những tư liệu quý giá cho việc nhận diện chính sách đối ngoại và nhận thức của nhà Thanh đối với Việt Nam trong thời kì đầy biến động này.

### **2.3.2. Quan lại trung ương**

Các quan lại trung ương triều Thanh, bao gồm các đại thần Quân cơ, Thượng thư các bộ, Thị lang và các học sĩ Hàn lâm, là lực lượng giữ vai trò chủ chốt trong việc hoạch định chính sách đối ngoại, đặc biệt là đối với Việt Nam. Họ không chỉ đề xuất các nguyên tắc và sách lược xử lí vấn đề Việt Nam mà còn trực tiếp tham gia vào các hoạt động ngoại giao như tiếp đãi sứ thần, soạn thảo văn thư, hoặc tham dự các nghi lễ triều kiến. Nhờ vị trí trung tâm trong bộ máy nhà nước, các quan lại này sở hữu nguồn tư liệu phong phú và có điều kiện ghi chép, phản ánh những sự kiện liên quan đến Việt Nam thông qua các tác phẩm văn thơ của mình. Nhiều quan lại trung ương từng trực tiếp tham dự các hoạt động ngoại giao với Việt Nam và ghi chép lại trong thơ ca một cách chi tiết. Chẳng hạn, Vương Kiệt (王杰), một đại thần Quân cơ, đã sáng tác thơ mô tả lại việc Nguyễn Quang Bình (tức Quang Trung) mặc trang phục Trung Quốc yết kiến Hoàng đế Càn Long tại Thừa Đức sơn trang, đồng thời sáng tác thơ mô tả sáu bức họa *Ngự chế An Nam chiến đồ* (《御製安南戰圖》) theo chỉ đạo của Càn Long. Bành Nguyên Thụy (彭元瑞), Thượng thư Bộ Công kiêm Đại học sĩ, cũng có ghi chép liên quan đến việc quy thuận của Nguyễn Quang Bình trong các văn bản như *Việt sử lược bạt* (《越史略跋》) và *An Nam chí lược bạt* (《安南志略跋》). Kỉ Quân (紀昀) là tác giả của *Kỉ Văn Đạt công di tập* (《紀文達公遺集》) đã thuật lại sự kiện Nguyễn Quang Bình cải trang sang Hán phục để tiếp kiến tại Di Hòa Viên, cùng nhiều chi tiết liên quan đến triều Nguyễn như việc Nguyễn Phúc Ánh đặt vấn đề thay đổi quốc hiệu. 朱珪 (Chu Khuê) lại để lại trước tác *An Nam Lê thị di thần* (《安南黎氏遺臣》), ghi lại hoạt động của các cựu thần nhà Lê trong thời gian lưu trú tại Trung Quốc...

*Thứ hai*, với tư cách là những người tham mưu cao cấp trong triều đình, quan lại trung ương có nhiệm vụ đề xuất chính sách, soạn thảo tấu chương và theo dõi sát sao tình hình khu vực. Trong quá trình này, họ thường xuyên trao đổi với các quan địa phương hoặc nhận thông tin từ các phái đoàn ngoại giao, nhờ đó tích lũy được một lượng lớn văn bản như tấu chương, thư từ, báo cáo... phản ánh quá trình ra quyết sách liên quan đến Việt Nam. Ví dụ, trước khi chiến tranh Trung - Pháp nổ ra, nhiều quan lại trung ương đã ghi lại trong thơ và văn xuôi những suy nghĩ chiến lược của mình. Trần Khởi Thái (陳啟泰), một viên chức từng phụ trách kiểm duyệt, đã để lại tập thơ *Cù Am di thảo* (《癯庵遺稿》) với nhiều bài thơ nói về Việt Nam, thể hiện quan điểm ủng hộ việc dùng cả đường bộ và đường thủy để ngăn chặn sự xâm nhập của Pháp. Trương Bội Luân (張佩綸) là người nhiều lần dâng sớ lên các trọng thần như Lí Hồng Chương (李鴻章), Trương Chi Động (張之洞), nhấn mạnh mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa Trung Quốc và Việt Nam, đồng thời khuyến nghị triều đình cần có phản ứng cứng rắn hơn trước mưu đồ của Pháp.

Ngoài ra, trong các dịp đưa tiễn đồng nghiệp đi sứ hoặc tiếp đón sứ giả Việt Nam, quan lại trung ương thường sáng tác thơ ca để thể hiện tình cảm và quan điểm chính trị. Những bài thơ này không chỉ phản ánh góc nhìn về Việt Nam mà còn cho thấy tình cảm cá nhân và cảm hứng từ các tương tác ngoại giao. Ví dụ, Chu Di Tôn (朱彝尊) đã viết *Việt Kiêu thư跋* (《越嶠書跋》) và nhiều bài thơ tiễn biệt các đồng僚 như Ngô Quang, Lí Tiên Căn, Tôn Trác Vinh, Chu Xán... trong khi Đặng Hán Nghi (鄧漢儀) lại tập hợp nhiều bài thơ tiễn biệt đi sứ Việt Nam trong tập *Thi quan sơ tập* (《詩觀初集》) [9], bao gồm sáng tác của các danh sĩ như Tôn Quang Tự (孫光祀), Trương Ngọc Thư (張玉書), Hà Viên Anh (何元英) và nhiều người khác về việc chia tay khi đi sứ Việt Nam. Vì phần lớn các quan trung ương tiếp nhận thông tin về Việt Nam thông qua sử liệu hoặc báo cáo từ địa phương, nên cách tiếp cận của họ thường mang tính gián tiếp và dựa vào tri thức cổ điển. Điều này khiến cho quan điểm của họ về Việt Nam nhìn chung có tính nhất quán, ít biến động, và thường phản ánh lập trường chính thống của triều đình.

Thống kê hiện có cho thấy có tổng cộng 88 quan lại trung ương nhà Thanh từng sáng tác thơ liên quan đến Việt Nam. Các tác giả này phần lớn giữ những chức vụ trọng yếu trong triều đình và phân bố rộng khắp các cơ quan như Nội các, Lại bộ, Hộ bộ, Hình bộ, Lễ bộ, Hàn lâm viện... Với chức trách liên quan đến việc quản lí nhân sự, tài chính, lễ nghi và văn thư ngoại giao, họ không chỉ có điều kiện tiếp xúc với thông tin đa chiều về Việt Nam mà còn phát triển cảm hứng thi ca từ các sự kiện chính trị, ngoại giao và văn hóa liên quan. Những trải nghiệm thực tế cùng kiến thức chuyên môn đã góp phần làm nên tính chất đa dạng và giá trị sử liệu của hệ thống thơ ca do tầng lớp quan lại trung ương nhà Thanh để lại về Việt Nam.

### 2.3.3. Quan lại địa phương

Trong hệ thống quan lại triều Thanh, các quan chức địa phương đóng vai trò thiết yếu trong việc xử lí các vấn đề liên quan đến Việt Nam, đặc biệt là những quan lại làm việc tại các tỉnh giáp biên như Quảng Tây, Vân Nam và Quảng Đông. Trong số đó, Quảng Tây là địa phương giữ vai trò then chốt, bởi nơi đây chính là trạm đầu tiên mà sứ thần Việt Nam đặt chân đến Trung Quốc. Những quyết sách ngoại giao sơ khởi thường được xử lí trực tiếp bởi các quan chức tại đây, trước khi được tấu trình lên triều đình trung ương. Với vị trí địa lí đặc biệt, các quan lại địa phương không chỉ chịu trách nhiệm tiếp đãi, bảo vệ sứ bộ Việt Nam, mà còn giải quyết các vấn đề thực tiễn như tranh chấp lãnh thổ, xung đột biên giới và quản lí hoạt động thương mại xuyên biên giới. Chính vì vậy, họ có điều kiện tiếp xúc trực tiếp và thường xuyên với tình hình thực tế ở Việt Nam, giúp họ có được một cái nhìn cụ thể, khách quan và sâu sắc hơn về quốc gia láng giềng này. Thông tin mà triều đình trung ương sử dụng để hoạch định chính sách đối với Việt Nam phần lớn đều xuất phát từ các báo cáo, thư từ và đề xuất của quan chức địa phương. Trong các tập thơ của những vị quan này, thường xuyên xuất hiện các ghi chép, phản ánh sinh động mối quan hệ Trung-Việt qua các thời kì. Những sáng tác ấy không chỉ mang giá trị văn chương mà còn là nguồn sử liệu quý giá, góp phần cung cấp thêm góc nhìn thiết thực về lịch sử quan hệ hai nước.



Đặc biệt, trong bối cảnh chiến tranh Trung - Pháp cuối thế kỉ XIX, vai trò của các quan địa phương càng trở nên nổi bật. Trước sự yếu kém về đối ngoại của triều đình và tình trạng thông tin hỗn loạn, các quan lại tại Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam đã trực tiếp tham gia vào việc đánh giá tình hình, đề xuất đối sách, tổ chức phòng thủ và xử lý hậu quả chiến sự. Ví dụ điển hình là Lưu Trường Hữu (劉長佑), người từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Tuần phủ Quảng Tây, Quảng Đông và Tổng đốc Vân Quý, trong khoảng tám năm (1861–1869) dưới triều Đồng Trị. Trong nhiệm kỳ của ông, triều Thanh đã năm lần điều quân đến trấn Nam Quan nhằm tiêu trừ thổ phỉ, và các sự kiện này được ghi lại chi tiết trong các tập thơ văn của ông, cùng những đề xuất cụ thể về việc tăng cường quân bị, bảo vệ khu vực biên giới phía Nam. Tương tự, Trương Thụ Thanh (張樹聲), Tổng đốc Lưỡng Quảng, đã để lại nhiều thư tín trao đổi với các nhân vật quan trọng như Lí Hồng Chương (李鴻章), Tăng Kỉ Trạch (曾紀澤); hay Bành Ngọc Lâm (彭玉麟), trong thời kì chiến tranh Trung - Pháp, đã được triều đình cử đến Quảng Đông phòng thủ, nhiều lần dâng sớ đề nghị tăng cường quân sự và thậm chí khởi binh giúp Việt chống Pháp. Trương Chi Động (張之洞), giữ chức Tổng đốc Lưỡng Quảng từ năm Quang Tự thứ 10 (1884) đến năm thứ 15 (1889), dù không trực tiếp ra chiến trường nhưng đã đóng vai trò quan trọng trong công tác hậu cần, ủng hộ Việt Nam chống Pháp, tiến cử nhân tài như Phùng Tử Tài (馮子材), Lưu Vĩnh Phúc (劉永福) và tham gia vào quá trình khảo sát đường biên giới sau chiến tranh. Tập văn của ông chứa đựng nhiều ghi chép liên quan đến chiến sự và công tác ngoại giao trong giai đoạn hậu chiến. So với quan lại trung ương, giới chức địa phương có ưu thế về sự hiểu biết thực tế, với cách tiếp cận vấn đề Việt Nam mang tính trực tiếp và khả thi hơn. Nhận thức của họ không chỉ dựa trên các văn bản truyền thống mà còn gắn liền với kinh nghiệm hành chính và quan sát thực địa, vì vậy có độ xác thực cao. Chính vì thế, để nghiên cứu một cách toàn diện và chân thực mối quan hệ giữa triều đình Thanh và Việt Nam, không thể bỏ qua nguồn tư liệu đến từ các quan chức địa phương.

Thống kê hiện có cho thấy, tổng cộng 74 quan lại địa phương dưới triều Thanh đã sáng tác thơ liên quan mật thiết đến chủ đề Việt Nam. Phần lớn trong số họ làm việc tại các tỉnh giáp ranh, nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động tương tác giữa hai nước như giao thương, tiếp sứ, giải quyết tranh chấp, tổ chức bang giao... Chính vì vậy, thơ ca của họ thường mang nội dung phản ánh trực tiếp cảnh quan thiên nhiên, văn hóa biên giới cũng như các sự kiện lịch sử cụ thể như các cuộc đàm phán hòa bình, xung đột quân sự, giao lưu hữu nghị giữa các phái đoàn ngoại giao. Những tác phẩm thơ này, bên cạnh giá trị thẩm mỹ, còn có ý nghĩa lịch sử quan trọng khi phản ánh chân thực điều kiện sống của cư dân khu vực biên giới, tâm trạng của giới quan lại trước những biến động chính trị, đồng thời cho thấy mức độ giao thoa và ảnh hưởng qua lại giữa hai nền văn hóa Trung - Việt tại các vùng giáp ranh.

#### **2.3.4. Sứ giả và quan bồi đồng**

Trong hệ thống quan chức nhà Thanh có tham gia vào quá trình tiếp xúc và giao lưu với Việt Nam, nhóm sứ giả (使節) và quan bồi đồng (陪同官員) giữ một vai trò đặc biệt, không chỉ trong hoạt động ngoại giao mà còn trong sáng tác thi văn có liên quan đến Việt Nam. Sứ giả ở đây được hiểu là các quan chức triều Thanh được triều đình cử sang Việt Nam để thực hiện các nhiệm vụ chính trị và ngoại giao như sắc phong, điều tể, hoặc giải quyết các vấn đề hệ trọng trong quan hệ song phương. Các sứ đoàn nhà Thanh khi đến Việt Nam thường được tiếp đón long trọng bởi triều đình An Nam, với sự tham gia của các quan lại có học thức cao, am hiểu lễ nghi và văn chương. Do đó, cảm nhận của sứ giả nhà Thanh về đất nước và con người Việt Nam nhìn chung mang sắc thái tích cực hơn so với quan lại địa phương.

Trong hành trình ngoại giao, nhiều sứ giả không chỉ ghi chép chi tiết các sự kiện mà còn để lại thi văn, phản ánh ấn tượng, cảm xúc và quan sát cá nhân về phong cảnh, con người và xã hội Việt Nam. Một số sứ giả thậm chí còn sưu tập và hệ thống hóa những bài thơ sáng tác trong quá trình công cán, biên soạn thành các thi tập có giá trị truyền đời. Những tập thơ này không chỉ có

giá trị văn học mà còn là nguồn tư liệu quý báu cho việc nghiên cứu lịch sử quan hệ Trung – Việt. Bên cạnh các sứ giả, một nhóm quan chức khác cũng đóng vai trò quan trọng trong các chuyến sứ trình, đó là các quan bồi đồng – những người tháp tùng sứ giả Việt Nam trong hành trình sang Trung Hoa. Nhiệm vụ chính của họ là tiếp đón, bảo hộ và sắp xếp các hoạt động cho đoàn sứ Việt Nam, từ lịch trình di chuyển đến nơi lưu trú. Họ là người gần gũi nhất với các sứ thần An Nam trong suốt thời gian lưu trú tại Trung Quốc, đồng thời cũng là cầu nối trực tiếp giữa sứ giả Việt Nam và triều đình Thanh. Các yêu cầu đặc biệt của sứ thần Việt Nam như thăm danh lam cổ tích, gặp gỡ danh sĩ Trung Hoa, đều phải thông qua sự điều phối của quan bồi đồng. Vì đối tượng tiếp xúc của họ là tầng lớp tinh hoa học thức cao của Việt Nam, nên các quan bồi đồng được tuyển chọn từ những viên chức có tri thức, phẩm hạnh và khả năng ứng đối tốt. Không hiếm trường hợp các quan bồi đồng cùng tham gia xướng họa thi văn với sứ thần Việt Nam, để lại những tác phẩm giao lưu mang tính văn hóa và chính trị sâu sắc. Chẳng hạn như các vị Dương Ân Thọ (楊恩壽), Lí Trinh (李楨), Lí Hiến Kiều (李憲喬), Thẩm Thế Phong (沈世楓), đều từng đảm nhiệm vai trò này và để lại nhiều bài thơ xướng họa hoặc ghi chép chi tiết về phong tục, cảnh vật và cảm nhận trong quá trình tháp tùng đoàn sứ Việt Nam vào kinh đô. Trong quá trình giao tiếp, họ ý thức rõ vai trò đại diện cho hình ảnh triều đình Thanh, nên luôn thể hiện phẩm chất “*tri thư đạt lễ*” (知書達禮), từ đó góp phần thúc đẩy quan hệ chính trị – văn hóa Trung – Việt theo hướng hòa hiếu và tương kính.

Theo thông kê hiện có, tổng cộng có năm vị sứ giả nhà Thanh để lại dấu ấn rõ nét trong việc sáng tác thơ ca liên quan đến sứ trình sang Việt Nam, bao gồm: Ngô Quang (吳光), Chu Xán (周燦), Nhậm Lan Chi (任蘭枝), Đức Bảo (德保) và Cố Nhữ Tu (顧汝修). Trong số đó, hiện còn lưu giữ được hai tập thơ “sứ Giao” hoàn chỉnh là *Sứ Giao tập* (《使交集》) và “*Sứ Giao ngâm*” (《使交吟》). Cụ thể, Ngô Quang để lại tám bài thơ liên quan đến Việt Nam, trong khi Chu Xán có đến 48 bài thơ ghi lại quá trình tiếp xúc với triều đình và quan lại An Nam. Tuy nhiên, đối với các sứ giả như Nhậm Lan Chi, Đức Bảo và Cố Nhữ Tu, hiện chưa tìm thấy các thi tập chuyên biệt. Dẫu vậy, các sách Hán Nôm còn lưu giữ tại Việt Nam – như *Nhâm Tuất khóa sứ trình thi tập* (《壬戌過使呈詩集》), *Bắc sứ thông lục* (《北使通錄》), *Quế Đường thi tập* (《桂堂詩集》)... vẫn còn lẽ tề ghi chép một số bài thơ của các vị này. Trong đó, Đức Bảo có 17 bài thơ và Cố Nhữ Tu có 12 bài xướng họa với quan lại An Nam. Nội dung thơ phong phú, bao gồm cảm hứng từ cảnh quan tự nhiên, di tích lịch sử, con người bản địa, và đặc biệt là các sự kiện chính trị – ngoại giao giữa hai nước. Từ nguồn dữ liệu hiện có có thể nhận thấy, số lượng thơ văn của nhóm sứ giả còn tương đối hạn chế. Tuy nhiên, điều này không phản ánh đầy đủ thực tế. Trên thực tế, số lượng thơ ca về Việt Nam do các sứ thần Thanh triều sáng tác có thể còn nhiều hơn, nhưng vẫn chưa được phát hiện hoặc phân loại đầy đủ. Do đó, việc tiếp tục khai thác, khảo cứu và hệ thống hóa các tác phẩm thơ ca này là một nhiệm vụ quan trọng nhằm tái hiện toàn diện bức tranh giao lưu Trung – Việt qua thi ca.

### 2.3.5. Các nhân vật thuộc các tầng lớp xã hội

Bên cạnh tầng lớp vua chúa và quan lại triều đình, trong xã hội nhà Thanh còn tồn tại một lực lượng văn nhân thuộc nhiều thành phần khác nhau đã có những đóng góp đáng kể trong việc sáng tác thơ ca và ghi chép văn học về Việt Nam. Những người này không bị ràng buộc bởi các chức trách chính trị – ngoại giao nghiêm ngặt, do đó có điều kiện bày tỏ quan điểm một cách trực tiếp, thẳng thắn và giàu tính cá nhân hơn. Trong số này, đáng chú ý là các học giả, phụ tá chính trị, nhà sư, nhà văn, nhà giáo dục và các trí thức tự do.

Một số nhân vật tuy không nắm giữ chức vụ chính thức trong bộ máy hành chính trung ương nhưng đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ quan chức trong hoạt động đối ngoại hoặc biên soạn công văn, văn kiện có liên quan đến Việt Nam. Chẳng hạn, Cao Hùng Trung (高熊徵) đã sáng tác bài văn chính trị *Nghĩ đại đạo phủ dữ An Nam quốc vương thư* (《擬代道府與安南國王書》) [10], viết thay cho tuần phủ Quảng Tây gửi thư đến vua An Nam, thể hiện rõ vai trò của

tầng lớp phụ tá trong việc kiến tạo ngôn từ và định hình tư tưởng đối ngoại của triều đình. Tương tự, Tiết Phúc Thành (薛福成), từng là phụ tá của Tăng Quốc Phiên (曾國藩) và Lí Hồng Chương (李鴻章), đã đưa ra quan điểm cho rằng Trung Quốc cần sử dụng chiến tranh như một biện pháp để đạt đến hòa bình, từ đó củng cố an ninh biên giới phía Nam – bao gồm khu vực giáp ranh với Việt Nam. Mặc dù không trực tiếp làm thơ về Việt Nam, những đóng góp của ông trong văn luận và tư tưởng đối ngoại là cơ sở để hiểu rõ quan điểm của tầng lớp trí thức phụ tá trong các chính sách Trung – Việt thời kì này.

Một nhóm đặc biệt khác là các nhà sư Phật giáo, vốn có điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu văn hóa – tôn giáo với Việt Nam do mối liên hệ chặt chẽ giữa hai truyền thống Phật giáo Bắc tông. Một trong những nhân vật nổi bật là Thích Đại Sán (釋大汕), trụ trì chùa Trường Thọ tại Quảng Châu, đã nhận lời mời của Chúa Nguyễn Phúc Chu đến truyền bá Phật pháp tại Quảng Nam vào mùa xuân năm Khang Hy thứ 34 (1695). Trong thời gian lưu trú tại Thuận Hóa và Hội An, ông không những để lại bộ ký sự nổi tiếng *Hải ngoại ký sự* (《海外紀事》) gồm 6 tập, mà còn sáng tác nhiều bài thơ về Việt Nam như *Ký hoài An Nam Nguyễn Quốc vương* (《寄懷安南阮國王》), *Tống hoàn nhất pháp đệ chi An Nam* (《送還一法侄之安南》). Các tác phẩm của Thích Đại Sán vừa mang giá trị văn học vừa là tư liệu sử học và tôn giáo có giá trị đặc biệt, phản ánh hình ảnh một Việt Nam khoan hòa, mến khách và giàu truyền thống Phật học.

Ngoài các trường hợp kể trên, một số học giả và nhà văn nhà Thanh đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến Việt Nam thông qua các ghi chép, luận thuyết và thi tập, cung cấp những góc nhìn độc lập về chính trị, xã hội và ngoại giao Trung – Việt. Chẳng hạn, Chu Chi Du (朱之瑜), một học giả kháng Thanh phục Minh, trong thời gian bị lưu vong và kẹt lại tại Việt Nam hơn 50 ngày, đã viết *An Nam cung dịch kỷ sự* (《安南供役紀事》), ghi chép lại trải nghiệm và nhận xét của ông về xã hội Việt Nam đương thời. Tác phẩm này vừa là tư liệu nhân học vừa là tự sự lịch sử có giá trị tham khảo cao. Một tác phẩm tiêu biểu khác là *Giao Chỉ truyện* (《交趾傳》) của Nghê Thuế (倪蜚), trong đó mô tả chi tiết lịch sử, tình hình chính trị phức tạp của Việt Nam, đồng thời khắc họa ngoại hình, phong tục và tính cách người Việt. Đây là một nguồn văn bản quý hiếm phản ánh Việt Nam không chỉ từ góc độ địa – chính trị, mà còn từ quan điểm xã hội học và dân tộc học. Trong số các trí thức tân học cuối Thanh, Vương Thao (王韜) và Lương Khải Siêu (梁啟超) là hai nhân vật quan trọng có tư tưởng cải cách mạnh mẽ và đặc biệt quan tâm đến vận mệnh Việt Nam. Vương Thao trong *Hành Hoa Quán thi lục* (《蘅華館詩錄》) và *Thao Viên văn lục* (《弢園文錄》) không chỉ ghi chép các cuộc tiếp xúc với sứ thần Việt Nam mà còn lưu lại thư từ, tài liệu đối thoại giữa hai bên. Ông từng đề xuất khả năng liên kết giữa Trung Quốc – Việt Nam – Nhật Bản nhằm đối phó với các thế lực ngoại xâm. Lương Khải Siêu trong các tác phẩm như *Việt Nam tiểu chí* (《越南小志》) và *Ký Việt Nam vong nhân chi ngôn* (《記越南亡人之言》) thể hiện rõ tinh thần đồng cảm trước thảm họa thuộc địa mà Việt Nam đang đối mặt, đồng thời kêu gọi Trung Quốc cải cách để tránh rơi vào hoàn cảnh tương tự.

Theo thống kê sơ bộ, có khoảng 32 văn nhân thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, bao gồm nhà thơ, nhà văn, nhà giáo dục, tư tưởng gia và tăng sĩ, đã sáng tác thơ hoặc ghi chép văn học lấy Việt Nam làm chủ đề hoặc bối cảnh. Trong bối cảnh xã hội nhà Thanh đang diễn ra nhiều biến động về chính trị, kinh tế và tư tưởng, sự xuất hiện ngày càng nhiều các tác phẩm văn học liên quan đến Việt Nam cho thấy mức độ gia tăng về chiều sâu và tần suất của giao lưu văn hóa Trung – Việt. Họ tiếp cận Việt Nam thông qua nhiều hình thức: du hành, lưu vong, truyền đạo, tham chính hoặc thậm chí ẩn cư, rồi phản ánh trải nghiệm của mình bằng thơ văn. Nhiều bài thơ kết hợp giữa bối cảnh lịch sử – địa lí với tâm tình cá nhân, thể hiện sự quan tâm đến chiến tranh, hòa bình, số phận con người, cũng như lòng mến mộ đối với văn hóa và học thuật Việt Nam.

### 3. Kết luận

Trong tiến trình giao lưu Việt–Trung thời Thanh, các tầng lớp xã hội Trung Hoa thể hiện cách tiếp cận và nhận thức đa dạng đối với Việt Nam. Ít nhất 200 tác giả thuộc nhiều giai tầng – từ hoàng đế, quan lại đến học giả, tu sĩ và dân thường – đã sáng tác 513 bài thơ lấy Việt Nam làm chủ đề. Những tác phẩm này không chỉ đa dạng về thể loại và nội dung, mà còn phản ánh rõ nét nhận thức chính trị, cảm xúc cá nhân và quan điểm văn hóa của người Trung Quốc đối với Việt Nam. Có thể thấy, quan lại trung ương tiếp cận Việt Nam theo hướng chính trị – lễ nghi; sứ thần và quan bồi đồng thể hiện sự trân trọng với giới trí thức An Nam; quan địa phương mang góc nhìn thực dụng và cảnh giác; trong khi đó, giới văn nhân dân gian, học giả độc lập và tu sĩ lại chú trọng đến trải nghiệm nhân văn và giao lưu văn hóa. Từ đó có thể khẳng định, quan hệ Việt – Trung dưới triều Thanh không đơn thuần là bang giao giữa hai nhà nước, mà còn là tiến trình giao lưu đa tầng lớp, đa chủ thể, góp phần tạo nên một không gian tương tác văn hóa phong phú, sâu sắc và bền vững trong khu vực.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] 李娜, (2014) .10-18 世紀中國使安南使臣出使詩歌綜述, 百色學院學報, 中国, 頁 96 - 103. (Lí Na, (2014). “Tổng thuật thơ ca của các sứ thần Trung Quốc đi sứ An Nam từ thế kỉ X đến XVIII”. *Tạp chí Học viện Bách Sắc*, Trung Quốc, tr 96-103. ).
- [2] 劉玉琚, (2007) . 中國使節文集考述 - 越南篇, 《首都師範大學學報》第 3 期, 中国, 頁 29 - 35. (Luu Ngọc Quân (2007), “Khảo luận về tập văn của các sứ thần Trung Quốc – Phần Việt Nam”. *Tạp chí Đại học Sư phạm Thủ Đô*, Trung Quốc, số 3, tr 29 - 35. ).
- [3] 清實錄 (影印本), 中華書局, 中国, 1985. *Thanh thực lục* (Bản ảnh ấn) . NXB Trung Hoa Thư cục, Trung Quốc, 1985.)
- [4] 吳光, (1993) .《使交集》 (影印本), 上海國學扶輪社印行, 中国. (Ngô Quang, (1993). *Sứ Giao tập* (Bản ảnh ấn), Thượng Hải Quốc học Phù Luân xã ấn hành, Trung Quốc).
- [5] 周燦, (2022). 《使交吟》 (影印本), 中国文物出版社. (Chu Xán, *Sứ Giao ngâm* (Bản ảnh ấn). NXB Văn vật, Trung Quốc, 2022.).
- [6] 釋大汕, (1987). 《海外紀事》, 余思黎 (点校), 中华书局, 中国. (Thích Đại Sán, (1987). *Hải ngoại kỷ sự*, Dư Tư Lê ( hiệu đính ). NXB Trung Hoa Thư cục, Trung Quốc.).
- [7] Nguyễn Thế Long (2005). *Bang giao Đại Việt* (Tập 5). NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2009). Hoạt động triều cống trong quan hệ bang giao giữa triều Nguyễn (Việt Nam) với triều Thanh (Trung Quốc). *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 7.
- [9] 鄧漢儀, (1997), 《詩觀初集 (卷四) 》, 《四庫禁毀書叢刊 (集部, 一集) 》, 北京出版社, 中国. (Đặng Hán Nghi, (1997). *Thi Quan sơ tập (Quyển 4), Tứ khố cấm hủy thư tùng khan-Tập bộ*. Tập 1. NXB Bắc Kinh, Trung Quốc.).
- [10] 高熊徵, (2010). 《郢雪齋全集 (卷二) 》, 清代詩文集彙編 (第 168 集), 上海古籍出版社, 中国, 頁 479 - 480. (Cao Hùng Trưng, (2010). *Dĩnh Tuyết Trai toàn tập* (quyển 2), *Thanh đại thi văn tập hội biên* (tập 168). NXB Cổ tịch Thượng Hải Trung Quốc, tr 479 - 480).